

Số: /GPMT-STN&MT

Hà Nam, ngày tháng 02 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hà Nam: Số 46/2022/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam; số 49/2024/QĐ-UBND ngày 16/9/2024 về việc sửa đổi điểm đ, khoản 1, Điều 2; điểm a, khoản 2, Điều 3; điểm a, khoản 1, Điều 4, Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM, phương án CTPHMT, cấp giấy phép môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Bình Mỹ tại văn bản số 16/BM ngày 17/02/2025 về việc Giải trình chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở Cụm công nghiệp Bình Lục tại xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý môi trường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Bình Mỹ, địa chỉ trụ sở chính tại Cụm công nghiệp Bình Lục, xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Cụm công nghiệp Bình Lục với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Cụm công nghiệp (CCN) Bình Lục.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số: 0700258195 đăng ký lần đầu ngày 03/03/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 11/03/2019. Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam.

1.4. Mã số thuế: 0700258195.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cụm công nghiệp. Ngành nghề được phép thu hút đầu tư vào CCN (mã ngành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam) bao gồm:

TT	Các ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành (theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018)
1	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	C26
2	Sản xuất thiết bị điện	C27
3	Sản xuất các sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)(Không bao gồm xi mạ và mã 252)	
	Sản xuất các cái kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi	C251
	Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại	C259
4	Sản xuất trang phục	C14
5	Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	
	Sản xuất va li, túi sách, yên đệm	C151
	Sản xuất giày, dép các loại	C152
6	Sản xuất, chế biến thực phẩm (không bao gồm giết mổ gia súc, gia cầm, chế biến thủy sản)	C10
7	Dệt (không bao gồm công đoạn nhuộm)	
	Sản xuất sợi, vải dệt thoi và hoàn thiện sản phẩm	C131
	Sản xuất các sản phẩm được tạo ra từ vải dệt khác chưa được phân vào đâu	C139
8	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	
	Sản xuất sản phẩm từ cao su	C221
	Sản xuất sản phẩm từ plastic	C222
9	Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	
	- Sản xuất hóa chất cơ bản, phân bón và hợp chất nitơ, sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	C201
	- Sản xuất sản phẩm hoá chất khác	C202
	- Sản xuất sợi nhân tạo	C203

10	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	C28
11	Sản xuất phương tiện vận tải khác	C30
12	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	C310
13	Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	C32
14	Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	C33
15	Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải	H52

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2024/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Quy mô: Cụm công nghiệp có tiêu chí như dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Tổng diện tích của Cụm công nghiệp: 293.502 m² (theo hợp đồng thuê đất số 24/HĐTD ngày 25/5/2015 và Phụ lục hợp đồng thuê đất số 53/PLHĐTD ngày 23/9/2020 giữa UBND tỉnh Hà Nam và Công ty Cổ phần Bình Mỹ).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Bình Mỹ:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Bình Mỹ có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, bụi, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

(Từ ngày tháng 02 năm 2025 đến ngày tháng 02 năm 2035).

Điều 4. Giao Phòng Quản lý môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tổ chức được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- UBND huyện Bình Lục;
- Công ty Cổ phần Bình Mỹ (để t/h);
- TT TTDL&PTQĐ (đăng tải);
- Lưu: VT, MT, HS.

GIÁM ĐỐC

Phạm Chí Thống

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI***(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT**ngày tháng 02 năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam)***A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI****1. Nguồn phát sinh nước thải**

Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp từ các doanh nghiệp thứ cấp hoạt động trong CCN Bình Lục.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh dẫn ra kênh tiêu S17 thông qua cống S17-2 thuộc thôn Duy Dương, xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

2.2. Vị trí xả thải:

- Kênh dẫn ra kênh tiêu S17 thông qua cống S17-12 thuộc thôn Duy Dương, xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X(m) = 2264216$; $Y(m) = 608522$ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105° , múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $500 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả thải:

- Nước thải sau xử lý chảy qua mương quan trắc nước thải sau xử lý vào hố ga cuối, sau đó theo đường ống HDPE D200 ra Kênh dẫn ra kênh tiêu S17 thông qua cống S17-12 thuộc thôn Duy Dương, xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

- Hình thức xả: Tự chảy, xả mặt, xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước xả thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt quy chuẩn: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, (cột A, $K_f = 1,1$, $K_q = 0,9$), cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn so sánh Cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1.	Nhiệt độ	°C	40	Không áp dụng trong trường hợp đáp ứng khoản 4 Điều 97 Nghị định số	Đã lắp đặt, truyền dữ liệu
2.	pH.	-	6 - 9		

3.	COD	mg/l	74,25	08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022			
4.	Chất rắn lơ lửng	mg/l	49,5				
5.	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,95				
6.	Màu	Pt/Co	150	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng		
7.	BOD ₅ (20°C)	mg/l	29,7				
8.	Asen	mg/l	0,0495				
9.	Thủy ngân	mg/l	0,00495				
10.	Chì	mg/l	0,099				
11.	Cadimi	mg/l	0,0495				
12.	Crom (VI)	mg/l	0,0495				
13.	Crom (III)	mg/l	0,198				
14.	Đồng	mg/l	1,98				
15.	Kẽm	mg/l	2,97				
16.	Niken	mg/l	0,198				
17.	Mangan	mg/l	0,495				
18.	Sắt	mg/l	0,99				
19.	Tổng xianua	mg/l	0,0693				
20.	Tổng phenol	mg/l	0,099				
21.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,95				
22.	Sunfua	mg/l	0,198				
23.	Florua	mg/l	4,95				
24.	Tổng nitơ	mg/l	19,8				
25.	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,96				
26.	Clorua	mg/l	495				
27.	Clo dư	mg/l	0,99				
28.	Coliform	vi khuẩn /100ml	5.000				
29.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1				
30.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0				
31.	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,0495			01 năm/lần	
32.	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,297				
33.	Tổng PCB	mg/l	0,00297				

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải được thiết kế riêng biệt với hệ thống thu gom nước mưa.

- Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp hoạt động trong CCN Bình Lục được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của CCN Bình Lục (đạt cột B của QCVN 40:2011/BTNMT) trước khi đầu nổi vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của CCN Bình Lục để tiếp tục xử lý, sau đó xả thải ra kênh dẫn ra kênh tiêu S17 thông qua công S17-12 thuộc thôn Duy Dương, xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý hệ thống XLNT tập trung:

Nước thải của các doanh nghiệp trong CCN=> Bể thu gom => Bể điều hoà => Bể phản ứng => Bể lắng 1 => Bể thiếu khí => Bể hiếu khí MBBR => Bể lắng 2 => Bể lọc sơ bộ => Bể trung gian => Bồn lọc áp lực => Bể khử trùng => Mương quan trắc tự động => Hồ ga G1 => Kênh dẫn ra kênh tiêu S17 thông qua công S17-12 tại thôn Duy Dương, xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

- Công suất thiết kế: 500 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: PAC, hoá chất điều chỉnh pH (*hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này*).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí: Mương quan trắc trước khi xả ra môi trường.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.

- Camera theo dõi: đã lắp đặt 01 thiết bị.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu quan trắc tự động, liên tục được truyền về cơ quan quản lý theo quy định.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

- Đã xây dựng 01 hồ sự cố, cụ thể:

+ 01 hồ sự cố có thể tích 1.000 m³ tại trạm xử lý nước thải tập trung.

- Cấu tạo: Thành và đáy của hồ được lót lớp HDPE chống thấm, trang bị

hệ thống bơm nước vào và ra.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trường hợp trạm xử lý nước thải gặp sự cố hoặc nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường thông qua việc kiểm soát bằng hệ thống quan trắc tự động, liên tục, nước thải được bơm về lưu chứa tại hồ sự cố. Sau khi đã khắc phục xong sự cố của trạm XLNT, nước thải tại hồ sự cố được bơm vào bể điều hòa của trạm XLNT để tiếp tục xử lý.

- Trường hợp duy tu, bảo trì, nước thải được đưa về hồ sự cố. Sau khi bảo trì xong thì nước thải được bơm lên bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

- Thường xuyên giám sát chất lượng nước thải của doanh nghiệp thứ cấp hoạt động trong CCN Bình Lục để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với nước thải đầu vào về trạm XLNT tập trung của CCN Bình Lục.

- Thường xuyên giám sát chất lượng nước thải đầu vào của trạm XLNT tập trung, đảm bảo tiêu chuẩn nước thải đầu vào nhằm đảm bảo hiệu suất xử lý của hệ thống.

- Bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyên giao kỹ thuật vận hành hệ thống XLNT tập trung, kỹ thuật ứng phó sự cố.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống XLNT tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát, nạo vét hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

1.5. Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của trạm XLNT (theo đề xuất của chủ cơ sở):

T T	Thông số	Đơn vị	Tiêu chuẩn đầu nội
1	Nhiệt độ	oC	40
2	Màu	Pt/Co	150
3	pH	-	5,5 - 9
4	BOD5 (20oC)	mg/l	50
5	COD	mg/l	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
7	Asen	mg/l	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,01
9	Chì	mg/l	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,1
12	Crom (III)	mg/l	1
13	Đồng	mg/l	2
14	Kẽm	mg/l	3

15	Niken	mg/l	0,5
16	Mangan	mg/l	1
17	Sắt	mg/l	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,1
19	Tổng phenol	mg/l	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng g	mg/l	10
21	Sunfua	mg/l	0,5
22	Florua	mg/l	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
24	Tổng nitơ	mg/l	40
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6
26	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/l	1000
27	Clo dư	mg/l	2
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,1
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	1
30	Tổng PCB	mg/l	0,01
31	Coliform	vi khuẩn/100ml	5000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của CCN Bình Lục bảo đảm đáp ứng quy định về giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường. Đảm bảo hệ thống thu gom và thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải của CCN Bình Lục. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom nước thải và thoát nước thải sau xử lý phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường, phòng chống ngập úng. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải bố trí hố ga lắng cặn của nước mưa trước khi xả vào môi trường tiếp nhận.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu

vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.3. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021.

3.4. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi; không xâm phạm, chiếm dụng đất hành lang bảo vệ của kênh mương thủy lợi; định kỳ tiến hành nạo vét hệ thống kênh dẫn và khu vực nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý.

3.5. Công ty Cổ phần Bình Mỹ chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT

ngày tháng 02 năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105⁰, múi chiếu 3⁰)

$$X = 2265044; \quad Y = 608290$$

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian trong ngày và mức ồn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Thường xuyên theo dõi, bảo trì máy móc (kiểm tra độ mòn chi tiết định kỳ, thường xuyên tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt).

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Áp dụng thường xuyên, liên tục các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại dự án. Đảm bảo khoảng cách an toàn và dải cây xanh cách ly theo quy định.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT

ngày tháng 02 năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên khoảng:

TT	Chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	20	18 02 01
2	Bùn từ quá trình xử lý nước thải	Bùn	13.750	03 05 08
3	Bao bì cứng bằng nhựa chứa thành phần nguy hại	Rắn	20	18 01 03
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	5	16 01 06
Tổng			13.795	

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng: 250 kg/năm

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Bùn cặn thải từ quá trình nạo vét hệ thống thu gom, thoát nước mưa, hố ga: Khối lượng phát sinh không thường xuyên khoảng 200 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu giữ: tại các thùng nhựa có nắp đậy.

- Khu vực lưu giữ:

+ Chất thải nguy hại phát sinh được lưu giữ trong kho chứa có diện tích khoảng 4 m² gần khu vực trạm XLNT tập trung.

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: Có tường bao, mái lợp tôn, nền láng xi măng chống thấm. Có thiết bị phòng cháy chữa cháy và có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Khu vực lưu giữ:

+ Rác thải thông thường, sinh hoạt tại khu vực văn phòng của ban quản lý CCN Bình Lục được lưu giữ trong kho chứa của Công ty Cổ phần May Đức Hạnh.

Công ty Cổ phần may Đức Hạnh sẽ chịu trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom đi xử lý theo hợp đồng thuê văn phòng giữa Công ty Cổ phần Bình Mỹ và Công ty Cổ phần may Đức Hạnh.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT

ngày tháng 02 năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4. Thực hiện các yêu cầu của pháp luật về thủy lợi và các nội dung theo văn bản thỏa thuận với cơ quan quản lý công trình thủy lợi.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

8. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về

các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đề xuất cấp phép. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải có Văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra và hướng dẫn./.